

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 616/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 4/13/25A đường V, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 4/13/25A đường V, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà và ông Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu một thời gian ngắn thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T vào năm 2014. Sau khi sống chung thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ông D không có trách nhiệm với gia đình, mọi khoản chi tiêu sinh hoạt trong gia đình một mình bà phải lo toan trong khi ông D

không phụ giúp bà một khoản tiền nào. Mỗi lần đi nhậu về say ông D hay kiếm cớ gây sự, xúc phạm thậm chí đánh đập bà. Ngoài ra, do vợ chồng bà không có con chung nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 6-2022 vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn D

Về con chung: Bà và ông D không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại tòa bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị T có thời gian tìm hiểu khoảng 3-4 tháng thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T vào năm 2014. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bà Tân không biết chữ, hay to tiếng và ăn nói rất khó nghe. Từ tháng 5-2022, bà T nộp đơn khởi kiện và chuyển đi nơi khác sinh sống, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không nói chuyện để hòa giải mâu thuẫn. Nay, bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn D có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị T, bị đơn ông Phạm Văn D vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D thì thấy: Theo bà T nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ông D không có trách nhiệm với gia đình, mọi khoản chi tiêu sinh hoạt trong gia đình một mình bà phải lo toan trong khi ông D không phụ giúp bà một khoản tiền nào. Mỗi lần đi nhậu về say ông D

hay kiểm soát gây sự, xúc phạm thậm chí đánh đập bà. Ngoài ra, do vợ chồng bà không có con chung nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 6-2022 vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo ông D trình bày quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bà T không biết chữ, hay to tiếng và ăn nói rất khó nghe. Từ tháng 5-2022, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không nói chuyện để hòa giải mâu thuẫn.

[2.3]. Theo xác minh tại địa phương bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T từ năm 2014. Sau khi kết hôn bà T và ông D cư trú tại địa chỉ số 4/13/25A đường M, phường N, thành phố T từ đó đến nay. Khoảng 2-3 năm gần đây, bà T và ông D có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân cụ thể đại diện địa phương không nắm rõ. Năm 2021, khu phố kết hợp với cảnh sát khu vực đã xuống can thiệp vì vợ chồng bà T, ông D cãi vã gây mất trật tự tại địa phương.

[2.4]. Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông D là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.5]. Về con chung: Bà T và ông D không có con chung

[2.6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T đối với ông Phạm Văn D.

1. Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị T ly hôn với ông Phạm Văn D.
2. Về con chung: Không có con chung.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002656 ngày 17-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- UBND Phường N, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương